TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đôc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 809/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 12 năm 2023
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH. THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Đỗ Thị Sỹ Long**

2. Ông Nguyễn Hà

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Phạm Thu Hương** - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Ba Đình tham gia phiên tòa: **Bà Phạm Thị Huyền Trang** - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 587/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 461/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 339/QĐST-HPT, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà T.T.K.D, sinh năm 1972; HKTT: Phường C, quận Ba Đình, Hà Nội; Nơi ở: Phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông N.T.T, sinh năm 1972; HKTT và nơi ở: Phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn: Bà T.T.K.D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T.T.K.D và ông N.T.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức cưới hỏi và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội vào ngày 31 tháng 12 năm 1991, số 195. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông T, bà D chung sống tại phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Vợ chồng ông T, bà D chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì ông T nảy sinh tình cảm và quan hệ bất chính với nhiều người con

gái khác. Gia đình, vợ con khuyên không được và cho đến hiện tại, ông T đang sống chung với người phụ nữ khác. Khi về nhà ông T đối xử với bà D không ra gì, đánh đập, chửi bới khiến bà rất mệt mỏi về tinh thần. Bà D không chịu đựng được nữa nên muốn ly hôn để giải thoát cho chính bản thân mình. Vợ chồng ông T, bà D ly thân từ nửa năm nay từ khi bà D phát hiện ông T quan hệ bất chính với người khác. Khi vợ chồng xảy ra vấn đề, hai bên gia đình có hòa giải nhưng không có kết quả. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sự trân thành và tôn trọng của ông T đối với bà D không có, vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Quá trình vợ chồng chung sống ông N.T.T và bà T.T.K.D có 02 (hai) con chung là N.T.H, sinh ngày 07/02/1992 và N.M.T, sinh ngày 22/8/1996. Cả hai đều đã trưởng thành, việc ở với ai do các cháu tự quyết định.

- Về tài sản và nhà ở chung: Bà D đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: Bà D xác nhận vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ nên không cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Bà D tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà T.T.K.D vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

* Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do, vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn và cũng không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

* Tại biên bản xác minh ngày 07/12/2023, tổ trưởng tổ dân phố số 01 phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội là bà N.T.L cho biết: Tổ dân phố được biết ông N.T.T đã có quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân với người khác, mâu thuẫn vợ chồng ông T bà D đã rất trầm trọng. Hiện nay, tại địa chỉ: Phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội chỉ có ông N.T.T đang sinh sống còn bà T.T.K.D đã chuyển đi nơi khác. Về con chung: Ông T, bà D có 02 con chung. Về tên và thông tin khác của con chung của ông T, bà D, Tổ dân phố không nắm rõ.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm***:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích vụ án, đại diện Viện kiểm sát căn cứ quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.T.K.D với ông N.T.T.

- Về con chung: có 02 (hai) con chung là N.T.H, sinh ngày 07/02/1992 và N.M.T, sinh ngày 22/8/1996. Cả hai đều đã trưởng thành, việc ở với ai do các cháu tự quyết định.

- Về tài sản và nhà ở chung: Bà D đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: Bà D xác nhận vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ nên không cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng dân sự: Bị đơn ông N.T.T có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay tại: phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý, giải quyết, xét xử là đúng thẩm quyền.

- Về thủ tục giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông N.T.T không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông T theo quy định của pháp luật nhưng ông T vẫn không đến tham gia tố tụng và không tham gia xét xử tại phiên tòa. Đây là lần thứ hai ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của đương sự, kết quả xác minh tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà T.T.K.D và ông N.T.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội vào ngày 31 tháng 12 năm 1991, số 195. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông T và bà D chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì ông T nảy sinh tình cảm và quan hệ bất chính với nhiều người con gái khác. Gia đình, vợ con khuyên

không được và cho đến hiện tại, ông T đang sống chung với người phụ nữ khác. Khi về nhà ông T đối xử với bà D không ra gì, đánh đập, chửi bới khiến bà rất mệt mỏi về tinh thần. Vợ chồng ông T, bà D ly thân từ nửa năm nay từ khi bà D phát hiện ông T quan hệ bất chính với người khác. Xét thấy hôn nhân của ông T và bà D đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nhận định của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà T.T.K.D là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xác nhận ông T và bà D có hai con chung là N.T.H, sinh ngày 07/02/1992 và N.M.T, sinh ngày 22/8/1996. Cả hai đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

Trong quá trình sinh sống, do bảo quản không cẩn thận nên bà D đã làm mất giấy khai sinh của chị N.T.H. Bà D đã ra UBND phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (Nơi bà D đăng ký khai sinh cho con) để xin cấp lại giấy khai sinh cho chị H, tuy nhiên bà được cán bộ UBND phường C báo lại rằng không tìm thấy giấy khai sinh của chị H. Bà D khẳng định bà và ông T có 02 con chung là N.T.H và N.M.T.

[2.3] Về tài sản và nhà ở chung: Bà D đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không có ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến tài sản và nhà ở chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung của bà D và ông T.

- Về các khoản nợ: Bà D xác nhận vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ nên không cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Quan điểm của đại diện viện Kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.T.K.D đối với ông N.T.T.

Bà T.T.K.D được ly hôn với ông N.T.T.

2. Về con chung: Ông N.T.T và bà T.T.K.D có 02 con chung là N.T.H, sinh ngày 07/02/1992 và N.M.T, sinh ngày 22/8/1996. Cả hai đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), việc ở với ai do các con tự quyết định, Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản và nhà ở chung (Động sản và bất động sản): Bà D và ông T tự thỏa thuận giải quyết. Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Bà T.T.K.D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà D đã nộp án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0008260 ngày 03/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, bà T.T.K.D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N.T.T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ba đình;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Ba đình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (Khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Thúy Hạnh